

Bản án số: 109/2024/HS-ST
Ngày 15 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm

Bà Trường Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 487/2024 ngày 22 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị H; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 02/5/1990; tại: huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ở hiện tại (tạm trú): Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Phạm Quang T - sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Phạm Thị N - Sinh năm: 1960; Chồng: La Huỳnh Đ - Sinh năm 1995; Con: có 01 con - sinh năm 2019; Anh chị em ruột: Gia đình có 03 anh, em cáo là con thứ 03.

Bị cáo hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1989;

Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Hoàng Thị P, sinh năm 1992;

Trú tại: Xóm B, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Dương Thị K, sinh năm 1991;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Nông Thị Kim A, sinh năm 1984
Trú tại: Xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Phí Thị T1, sinh năm 1985;
Trú tại: Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1993
Trú tại: Khu D, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Lương Thị T3, sinh năm 1992;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Hoàng Thị N1, sinh năm 1991
Trú tại: Khu D, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Hoàng Thị H1, sinh năm 1989;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Lương Thị P1, sinh năm 1981;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
Đều có đơn xin xét xử vắng mặt

Người làm chứng:

- Hoàng Thị H2, sinh năm 1986;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Nguyễn Thị Trang N2, sinh năm 1983;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
- Đồng Công H3, sinh năm 1986;
Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
Đều có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C (PC02) nhận được đơn trình báo của ông Hoàng Ngọc Q (sinh năm 1987, trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) về việc tố giác Phạm Thị H (sinh năm 1990, trú tại: Tổ K, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai, khám xét khẩn cấp đối với H, phát hiện từ năm 2020 đến nay H đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất 3.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/01ngày với hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển qua tài khoản Ngân hàng, cụ thể:

1. Từ ngày 24/11/2021 đến ngày 15/4/2022 H cho Hoàng Ngọc Q có địa chỉ trên vay 03 lần với số tiền cho vay từ 5.000.000,đ đến 25.000.000,đ, lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản

Ngân hàng (trong đó khoản vay ngày 24/11/2021 là 25.000.000,đ vay được 06 ngày; ngày 15/02/2022 là 25.000.000,đ vay được 60 ngày; ngày 15/4/2022 là 5.000.000,đ vay được 288 ngày). Tổng số tiền lãi các khoản vay Q trả cho H 9.300.000,đ (tương ứng với mức lãi suất từ 102,7% đến 182,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,1 đến 9,1 lần.

2. Từ ngày 20/9/2021 đến ngày 07/10/2022 H cho Hoàng Thị P (sinh năm 1992, trú tại: Bản R, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng) 08 lần vay với số tiền từ 10.000.000,đ đến 30.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng (trong đó khoản vay ngày 20/9/2021 là 15.000.000,đ vay được 31 ngày; ngày 06/11/2021 là 30.000.000,đ vay được 05 ngày; ngày 16/11/2021 là 12.000.000,đ vay được 38 ngày; ngày 23/12/2021 là 30.000.000,đ vay được 05 ngày; ngày 14/3/2022 là 30.000.000,đ vay được 72 ngày; ngày 20/6/2022 là 20.000.000,đ vay được 47 ngày; ngày 17/9/2022 là 35.000.000,đ vay được 21 ngày; ngày 07/10/2022 là 10.000.000,đ vay được 22 ngày). Tổng số tiền lãi các khoản vay Hoàng Thị P trả cho H 15.993.000,đ (tương ứng với mức lãi suất từ 102,9% đến 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,1 đến 5,5 lần.

3. Từ ngày 16/5/2022 đến ngày 30/3/2023 H cho Dương Thị K (sinh năm 1991, trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) 06 lần vay với số tiền từ 25.000.000,đ đến 80.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng (trong đó khoản vay ngày 16/5/2022 là 60.000.000,đ vay được 61 ngày; ngày 15/7/2022 là 80.000.000,đ vay được 13 ngày; ngày 08/8/2022 là 25.000.000,đ vay được 12 ngày; ngày 08/9/2022 là 40.000.000,đ vay được 06 ngày; ngày 29/9/2022 là 60.000.000,đ vay được 34 ngày; ngày 30/3/2023 là 50.000.000,đ vay được 277 ngày). Tổng số tiền lãi các khoản vay K trả cho H 61.720.000,đ (tương ứng với mức lãi suất từ 102% đến 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,1 đến 5,5 lần.

4. Từ ngày 08/10/2020 đến ngày 30/7/2021 H cho Phí Thị T1 (sinh năm 1985, trú tại: Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay 03 lần với số tiền cho vay từ 15.000.000,đ đến 35.000.000,đ, lãi suất từ 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng (trong đó khoản vay ngày 08/10/2020 là 15.000.000,đ vay được 44 ngày; ngày 31/5/2021 là 35.000.000,đ vay được 60 ngày; ngày 30/7/2021 là 15.000.000,đ vay được 32 ngày). Tổng số tiền lãi các khoản vay T1 trả cho H 1.776.000,đ (tương ứng với mức lãi suất từ 102% đến 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,1 đến 5,5 lần.

5. Từ ngày 26/01/2021 đến ngày 08/02/2021 H cho Phạm Thị Thu T2 (sinh năm 1993, trú tại: Khu D, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay 02 lần với số tiền mỗi lần là 5.000.000,đ, lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng (trong đó khoản vay ngày 26/01/2021 là 5.000.000,đ vay được 12 ngày; ngày 08/02/2021 là 5.000.000,đ vay được 36 ngày). Tổng số tiền lãi các khoản vay T2 trả cho H 855.000,đ (tương ứng

với mức lãi suất từ 112,5% đến 182,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,6 đến 9,1 lần.

6. Ngày 01/9/2023 H cho Nông Thị Kim A (sinh năm 1984, trú tại: Bản Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay với số tiền 10.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng, Vay được 50 ngày thì số tiền lãi Q trả cho H 1.800.000,đ (tương ứng với mức lãi suất 131,4%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 6,6 lần.

7. Ngày 19/8/2022 H cho Lương Thị T3 (sinh năm 1992, trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay với số tiền 20.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng. Vay được 05 ngày thì số tiền lãi T3 trả cho H 300.000,đ (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,5 lần.

8. Ngày 21/3/2022 H cho Hoàng Thị N1 (sinh năm 1991, trú tại: Khu D, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay với số tiền 50.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng. Vay được 02 ngày thì số tiền lãi N1 trả cho H 300.000,đ (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,5 lần.

9. Ngày 24/6/2022 H cho Hoàng Thị H1 (sinh năm 1989, trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay với số tiền 30.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng. Vay được 04 ngày thì số tiền lãi H1 trả cho H 360.000,đ (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,5 lần.

10. Ngày 25/4/2023 H cho Lương Thị P1 (sinh năm 1981, trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) vay với số tiền 55.000.000,đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng. Vay được 04 ngày thì số tiền lãi P1 trả cho H 660.000,đ (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,5 lần.

Tổng số tiền H cho những người trên vay là 792.000.000,đ, số tiền Phạm Thị H đã thu lợi bất chính đối với các khoản vay trên là 82.082.000,đ. Nguồn gốc số tiền cho vay một phần là tiền của H, một phần là do H vay của Hoàng Thị H2 (sinh năm 1996, trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng), Nguyễn Thị Trang N2 (sinh năm 1983) và Đồng Công H3 (sinh năm 1986) đều trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình điều tra Phạm Thị H đã tự nguyện nộp lại một phần số tiền là 5.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Phạm Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ, đề nghị truy tố về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian từ năm 2020 đến cuối năm 2023 Phạm Thị H đã nhiều lần cho Hoàng Ngọc Q, Hoàng Thị P, Dương Thị K, Nông Thị Kim A, Phí Thị T1, Lương Thị T3, Hoàng Thị N1, Hoàng Thị H1, Lương Thị P1, Phạm Thị Thu T2

vay tiền với lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng. Tổng số tiền H cho những người trên vay là 792.000.000,đ và những người vay đã trả cho H số tiền lãi là 100.783.000,đ (tương ứng với mức lãi suất từ 102% đến 182,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,1 đến 9,1 lần; trong đó tổng số tiền H thu lợi bất chính là 82.082.000,đ.

Hành vi của bị cáo Phạm Thị H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị truy tố về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKSCB-P2 ngày 10/06/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của Nhà nước.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định quyết định truy tố đối với Phạm Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H về tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị H số tiền từ 80 triệu đồng đến 100 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp:

Bị cáo Phạm Thị H phải nộp tổng số tiền 810.082.000đồng (gồm: Số tiền cho vay: 792.000.000đồng + số tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS mà bị cáo đã thu của người vay 18.701.000đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền: 82.082.000đồng (Cụ thể: trả cho Hoàng Ngọc Q 7.607.000đồng; Hoàng Thị P 13.041.000đồng; Dương Thị K

50.140.000đồng; Nông Thị Kim A 1.526.000đồng; Phí Thị T1 7.719.000đồng; Lương Thị T3 245.000đồng; Hoàng Thị N1 245.000đồng; Hoàng Thị H1 294.000đồng; Lương Thị P1 540.000đồng; Phạm Thị Thu T2 724.000đồng).

Xác nhận bị cáo đã nộp lại 5.000.000 đồng số thu tiền lợi bất chính vào ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, hoàn trả cho bị cáo số tiền 1.950.000đ là tiền do kinh doanh từ cửa hàng làm tóc của vợ chồng bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; trích xuất tài khoản Ngân hàng của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Trong thời gian từ năm 2020 đến cuối năm 2023 Phạm Thị H đã nhiều lần cho Hoàng Ngọc Q, Hoàng Thị P, Dương Thị K, Nông Thị Kim A, Phí Thị T1, Lương Thị T3, Hoàng Thị N1, Hoàng Thị H1, Lương Thị P1, Phạm Thị Thu T2 vay tiền với lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/01ngày bằng hình thức chuyển qua tài khoản Ngân hàng. Tổng số tiền H cho những người trên vay là

792.000.000,đ và những người vay đã trả cho H số tiền lãi là 100.783.000,đ (tương ứng với mức lãi suất từ 102% đến 182,5%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định từ 5,1 đến 9,1 lần; trong đó tổng số tiền H thu lợi bất chính là 82.082.000,đ.

Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có tính chất ít nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội nhằm được hưởng lợi từ hành vi cho vay lãi nặng. Việc bị cáo Phạm Thị H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng hưởng lợi số tiền 82.082.000đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đầy đủ nhận thức để biết hành vi cho vay lãi nặng của mình là phạm pháp nhưng vì vụ lợi mà vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngày 28/02/2024 bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000đ do đó bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[4] *Về hình phạt chính:*

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; có thu nhập ổn định. Xét bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính và cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Xét thấy: Hội đồng xét xử đã xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo. Do vậy, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ vào công văn hướng dẫn số: 212/TANDTC-PC, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cần xử tịch thu:

[6.1] Đối với khoản tiền bị cáo cho vay (tiền gốc):

Trong thời gian từ năm 2020 đến cuối năm 2023 Phạm Thị H dùng số tiền 792.000.000đồng là tiền do tích góp và vay một số người quen mà có, cho 10 người vay với mức lãi suất 3.000đồng /1000.000đồng/ngày vượt mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là từ 5,1 lần đến 9,1 lần nên cần truy thu số tiền 792.000.000đồng là công cụ phương tiện phạm tội để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[6.2] Đối với khoản tiền lãi và khoản tiền thu lợi bất chính:

- Đối với khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 18.701.000đồng đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi suất vượt quá mức lãi suất trên 20%/năm: Tổng số tiền 82.082.000đồng đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay, cần xử buộc bị cáo trả khoản tiền này cho những người vay. Cụ thể:

- Hoàng Ngọc Q: 7.607.000,đồng;
- Hoàng Thị P: 13.041.000đồng;
- Dương Thị K: 50.140.000đồng;

- Nông Thị Kim Anh: 1.526.000đồng;
- Phí Thị Trinh : 7.719.000đồng;
- Lương Thị T3 : 245.000đồng;
- Hoàng Thị N1: 245.000đồng;
- Hoàng Thị H1: 294.000đồng;
- Lương Thị P1: 540.000đồng;
- Phạm Thu T2: 724.000đồng)

* Xác nhận bị cáo Phạm Thị H đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng, theo biên lai số 0000130 ngày 28 tháng 02 năm 2024

[7]. *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo; trả lại cho bị cáo số tiền 1.950.000đ là tiền do kinh doanh từ cửa hàng làm tóc của vợ chồng bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về các vấn đề khác*:

Đối với Hoàng Thị H2, Nguyễn Trang N2 và Đồng Công H3 là những người cho H vay tiền, quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định những người trên cho H vay lãi nặng hoặc cùng H góp tiền để cho vay lãi nặng, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người trên là có căn cứ.

Ngoài ra trong khoảng thời gian trên thì Phạm Thị H còn cho nhiều người khác vay tiền, tuy nhiên quá trình điều tra, xác minh nhận thấy một số người thì H cho vay không lấy lãi, một số người trả lãi không đều, một số người vay được một thời gian thì không có khả năng trả lãi. Đến thời điểm hành vi của H bị phát hiện thì lãi xuất thực tế Hồng thu của những người trên chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H về các khoản vay của những người trên là có căn cứ.

[9] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Bị cáo Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H 100 triệu đồng để nộp công quỹ Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo:
 - + Số tiền gốc 729.000.000đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu đồng) do bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- + Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 18.701.000đồng (mười tám triệu bảy trăm linh một nghìn đồng).

Tổng cộng bị cáo phải nộp số tiền: 747.701.000đồng (bảy trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm linh một nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lợi bất chính là 82.082.000đồng (*Tám mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng*), cụ thể:

- Trả cho Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1989; Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 7.607.000,đ (*bằng chữ: bảy triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng*).

- Trả cho Hoàng Thị P, sinh năm 1992; Trú tại: Xóm B, xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 13.041.000đồng (*bằng chữ: mười ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

- Trả cho Dương Thị K, sinh năm 1991; Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 50.140.000đồng (*bằng chữ: năm mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*)

- Trả cho Nông Thị Kim A, sinh năm 1984; Trú tại: Xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 1.526.000đồng (*bằng chữ: một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*)

- Trả cho Phí Thị T1, sinh năm 1985; Trú tại: Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 7.719.000đồng (*bằng chữ: bảy triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng*)

- Trả cho Lương Thị T3, sinh năm 1992; Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 245.000đồng (*bằng chữ: hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng*)

- Trả cho Hoàng Thị N1, sinh năm 1991; Trú tại: Khu D, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 245.000đồng (*bằng chữ: hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng*)

- Trả cho Hoàng Thị H1, sinh năm 1989; Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 294.000đồng (*bằng chữ: hai trăm chín mươi tư nghìn đồng*)

- Trả cho Lương Thị P1, sinh năm 1981; Trú tại: Khu B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền 540.000đồng (*bằng chữ: năm trăm bốn mươi nghìn đồng*)

- Trả cho Phạm Thị Thu T2, T4 tại: Khu D, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng số tiền: 724.000đồng (bằng chữ: *bảy trăm hai mươi tư nghìn đồng*)

* Xác nhận bị cáo Phạm Thị H đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), theo biên lai số 0000130 ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch lại cho bị cáo Phạm Thị H số tiền 1.950.000đ, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Xác nhận số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản tạm gửi của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại kho bạc nhà nước Cao Bằng theo Phiếu hạch toán nộp tiền mặt ngày 10/7/2024 của Ngân hàng T5 - Chi nhánh tỉnh C.

- Trả lại cho bị cáo 01 phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Phạm Thị H”, mặt sau có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai hình dấu mực đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh C theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 125 ngày 10/7/2024.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình được ghi trong bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CAT;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Bị cáo; NTGTT
- Lưu HS vụ án, HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như

